

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
**KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LẠNG SƠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 24

010  
EM T  
DI  
ACC  
SINH

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là “Ban Điều hành”) trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### Khái quát chung

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn được đổi tên từ Công ty Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND-KT ngày 21 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4900100357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 08 năm 2021.

Tên giao dịch : CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LẠNG SƠN  
Tên nước ngoài : LANG SON WATER CONTROL WORK EXPLOITATION STATE OWNED LIMITED COMPANY  
Trụ sở chính : Số 603 Đường Bà Triệu, Phường Đông Kinh, Tỉnh Lạng Sơn  
Điện thoại : (84-025) 387 0278

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn có các đơn vị trực thuộc sau:

- Văn phòng Công ty;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Chi Lăng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Hữu Lũng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Cao Lộc;
- Xí nghiệp Xây lắp;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Văn Lãng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Lộc Bình;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Sơn;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Văn Quan;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Gia;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Tràng Định.

### Hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 08 năm 2021, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn hoạt động với ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản nước ngọt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Thoát nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;

199  
CÔNG  
TY  
ÁNH  
H  
G  
T  
TP.

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đập, cống, tràn, kênh, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn giám sát chất lượng công trình.

#### **Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành**

Các thành viên Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2025 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Mai Lan

Chủ tịch công ty - Đại diện theo pháp luật của Công ty

Ông Vũ Xuân Hào

Tổng Giám đốc

#### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC\_Việt Nam (ACC\_Vietnam).

#### **Kết quả hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 1.865.413.421 VND được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 24 kèm theo.

#### **Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm 2026.

#### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và lưu chuyển tiền trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác. Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt và đại diện Ban Điều hành**



**Lê Mai Lan**  
Chủ tịch công ty  
Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2026





**CÔNG TY KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC\_VIỆT NAM**  
**ACC\_VIETNAM AUDITING - VALUATION CONSULTANCY COMPANY**

Trụ sở chính/ Head Office: Số 11/24 Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội  
VPGD/Office: P.502, tòa nhà Sunrise, 90 Trần Thái Tông, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: (84-24) 3795 0839 \* Fax: (84-24) 3795 0838  
Email: thanhnguyen.accvietnam@gmail.com \* Website: http://www.acc-vietnam.com

Số: 31426/BCKT-ACC\_VIETNAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LẠNG SƠN**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC\_Việt Nam (ACC\_VIETNAM) đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Lạng Sơn, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định. Theo đó Chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn về giá trị và tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định cũng như những ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty chưa thực hiện bù trừ đầy đủ công nợ nội bộ cũng như các giao dịch nội bộ phát sinh trong năm giữa Công ty với các Xí nghiệp thành viên.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC\_VIỆT NAM P**



**Nguyễn Văn Thành**

**Tổng Giám đốc**

Đăng ký hành nghề số: 0814-2023-084-1

*Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

**Lê Thu Hà**

**Kiểm toán viên**

Đăng ký hành nghề số: 4892-2024-084-1

*Bộ Tài chính Việt Nam cấp*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2025

Mẫu số B01-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>105.477.898.492</b>	<b>50.580.879.926</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>56.654.329.795</b>	<b>31.018.137.540</b>
1. Tiền	111		15.148.295.258	16.513.067.280
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.506.034.537	14.505.070.260
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4</b>	<b>5.411.000.000</b>	<b>5.100.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.411.000.000	5.100.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.621.217.590</b>	<b>12.234.293.424</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	36.525.852.338	10.255.394.860
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	180.000.000	30.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	1.214.328.488	718.784.593
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.701.036.764	1.230.113.971
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.702.210.929</b>	<b>1.279.212.479</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	2.702.210.929	1.279.212.479
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.089.140.178</b>	<b>949.236.483</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	102.521.544	91.008.747
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.286.740	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	952.331.894	858.227.736
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.124.215.298.165</b>	<b>1.032.695.819.801</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.661.225.209</b>	<b>3.170.165.739</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	1.119.213.209	1.628.153.739
2. Phải thu nội bộ dài hạn	214	7	1.548.012.000	1.548.012.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	9.000.000	9.000.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(15.000.000)	(15.000.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>12</b>	<b>1.119.721.197.797</b>	<b>1.027.436.442.962</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1.119.721.197.797	1.027.436.442.962
- Nguyên giá	222		1.333.374.371.175	1.235.319.546.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(213.653.173.378)	(207.883.103.107)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>355.036.850</b>	<b>462.224.400</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		355.036.850	462.224.400
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.477.838.309</b>	<b>1.626.986.700</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.477.838.309	1.626.986.700
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.229.693.196.657</b>	<b>1.083.276.699.727</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2025  
(Tiếp theo)

Mẫu số B01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.942.402.516</b>	<b>16.167.029.780</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66.931.844.939</b>	<b>16.100.149.110</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	12.174.902.767	2.463.904.321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.267.111.112	276.555.555
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.597.368.199	1.440.326.718
4. Phải trả người lao động	314		12.654.470.567	3.205.176.151
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	88.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	15	34.491.336.465	6.864.201.653
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		44.237.907	41.000.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.854.806.002	51.456.385
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.076.157.807
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		847.611.920	593.370.520
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.557.577</b>	<b>66.880.670</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		10.557.577	66.880.670
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.162.750.794.141</b>	<b>1.067.109.669.947</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>1.162.526.177.124</b>	<b>1.066.932.798.616</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.158.152.212.454	1.063.161.611.454
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.158.152.212.454	1.063.161.611.454
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.572.392.000	2.191.392.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.801.572.670	1.579.795.162
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.668.807.885	1.567.215.427
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		132.764.785	12.579.735
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>224.617.017</b>	<b>176.871.331</b>
1. Nguồn kinh phí	431		224.617.017	176.871.331
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.229.693.196.657</b>	<b>1.083.276.699.727</b>

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch công ty





Trần Quế Anh

Phí Thị Hồng Thương

Lê Mai Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Năm 2025

Mẫu số B02-DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	111.975.720.066	72.153.229.624
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		111.975.720.066	72.153.229.624
4. Giá vốn hàng bán	11	18	108.096.703.268	67.849.954.333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.879.016.798	4.303.275.291
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.682.892.596	850.492.066
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	8.883.399.624	4.733.956.874
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.321.490.230)	419.810.483
11. Thu nhập khác	31	21	5.246.810.381	1.168.404.220
12. Chi phí khác	32	22	59.906.730	23.167
13. Lợi nhuận khác	40		5.186.903.651	1.168.381.053
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.865.413.421	1.588.191.536
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	373.082.684	317.638.307
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.492.330.736	1.270.553.229

Người lập biểu

Trần Quế Anh

Kế toán trưởng

Phí Thị Hồng Thương

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Chủ tịch công ty



Lê Mai Lan

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2025  
(Phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		110.056.051.537	83.268.556.104
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(63.289.938.511)	(51.153.698.183)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.110.596.361)	(21.994.209.216)
4. Tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(270.000.000)	(389.716.199)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		87.589.152.880	61.879.888.792
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(85.421.502.346)	(68.519.717.785)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>25.553.167.199</b>	<b>3.091.103.513</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(140.107.111)	(539.344.811)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.536.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.127.000.000)	(13.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.816.000.000	7.700.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.000.000.000	1.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.532.596.167	820.911.187
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>83.025.056</b>	<b>(4.818.433.624)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	120.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>120.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>25.636.192.255</b>	<b>(1.607.330.111)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3</b>	<b>31.018.137.540</b>	<b>32.625.467.651</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>56.654.329.795</b>	<b>31.018.137.540</b>

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch công ty



Trần Quế Anh

Phí Thị Hồng Thương

Lê Mai Lan

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. Khái quát chung

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn được đổi tên từ Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND-KT ngày 21 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4900100357 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 08 năm 2021.

Tên giao dịch : CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LẠNG SƠN  
Tên nước ngoài : LANG SON WATER CONTROL WORK EXPLOITATION STATE OWNED LIMITED COMPANY  
Trụ sở chính : Số 603 Đường Bà Triệu, Phường Đông Kinh, Tỉnh Lạng Sơn  
Điện thoại : (84-025) 387 0278

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn có các đơn vị trực thuộc sau:

- Văn phòng Công ty;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Chi Lăng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Hữu Lũng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Cao Lộc;
- Xí nghiệp Xây lắp;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Văn Lãng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Lộc Bình;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Sơn;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Văn Quan;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Bình Gia;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Tràng Định.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 08 năm 2021, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn hoạt động với ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản nước ngọt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Thoát nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đập, cống, tràn, kênh, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn giám sát chất lượng công trình.

## 2. Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

### a. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### b. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán cho Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016, sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

### c. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển các khoản ký cược ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### d. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản nợ phải thu của Công ty với đơn vị trực thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng một số khoản nợ phải thu khó đòi, quá hạn thanh toán theo quy định hiện hành.

### e. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền.

**f. Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác có liên quan.

Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thông tư 147/2016/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT/BTC do bộ tài chính ban hành ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 147/2016/TT- BTC cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản khác	06 - 30

**g. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định hữu hình, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa xe,.... Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được tính phân bổ dần vào chi phí kinh doanh.

**h. Các khoản phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN,...

**i. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư được ghi nhận theo Quyết định của Chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế TNDN năm nay.

**j. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán số 15 về Hợp đồng xây dựng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ nguồn Thủy lợi phí được cấp và hoạt động xây lắp các công trình, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp...

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **k. Thuế**

Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động xây lắp từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 8%, hoạt động tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp không chịu thuế, hoạt động bán nước là 5%, hoạt động khác là 10%. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định các loại thuế khác của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	4.256.957.207	1.364.140.591
Tiền gửi ngân hàng	10.889.038.051	15.146.926.689
Tiền đang chuyển	2.000.000	2.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	41.506.334.537	14.505.070.260
<b>Cộng</b>	<b>56.654.329.795</b>	<b>31.018.137.540</b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam lãi suất tiền gửi lần đầu từ 1,6% đến 3,4%/năm.

**4. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá Gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá Gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.411.000.000	5.411.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000
<i>Ngắn hạn</i>	<i>5.411.000.000</i>	<i>5.411.000.000</i>	<i>5.100.000.000</i>	<i>5.100.000.000</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.411.000.000	5.411.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.411.000.000</b>	<b>5.411.000.000</b>	<b>5.100.000.000</b>	<b>5.100.000.000</b>

(\*) - Các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam có kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 4,1% đến 5,0%/năm.

**5. Trả trước cho người bán**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>180.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Công ty bơm điện Hải Dương	150.000.000	-
Các đối tượng khác	30.000.000	30.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>180.000.000</b>	<b>30.000.000</b>

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

**6. Phải thu khách hàng**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>36.525.852.338</b>	<b>10.255.394.860</b>
Phòng NN & PTNT huyện Văn Lãng (trước sáp nhập)	231.880.000	231.880.000
Phòng NN & PTNT huyện Văn Quan (trước sáp nhập)	-	660.371.000
Phòng NN & PTNT huyện Bình Gia (trước sáp nhập)	21.347.000	449.047.000
Phòng NN & PTNT huyện Bắc Sơn (trước sáp nhập)	-	667.738.000
Phòng NN & PTNT huyện Tràng Định (trước sáp nhập)	-	146.363.730
Phòng NN & PTNT huyện Đình Lập (trước sáp nhập)	-	112.870.000
Phòng NN & PTNT huyện Lộc Bình (trước sáp nhập)	-	594.130.704
Phòng NN & PTNT huyện Cao Lộc (trước sáp nhập)	-	374.222.200
Phòng NN & PTNT huyện Chi Lăng (trước sáp nhập)	-	550.767.000
Phòng NN & PTNT huyện Hữu Lũng (trước sáp nhập)	-	379.795.200
Phòng Kinh tế Thành phố Lạng Sơn (trước sáp nhập)	413.043.000	413.043.000
Sở Nông nghiệp và môi trường (trước sáp nhập)	11.527.891.327	-
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn	20.386.624.861	4.981.222.379
Chi cục Thủy lợi Lạng Sơn	514.314.000	62.738.000
Công ty Nhiệt điện Na Dương	165.833.850	173.673.150
UBND xã Tân Đoàn	1.188.486.000	-
UBND xã Nhân Lý	625.511.000	-
Các đối tượng khác	1.450.921.300	457.533.497
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>1.119.213.209</b>	<b>1.628.153.739</b>
Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Công trình Hạ Tầng tỉnh Lạng Sơn	-	13.188.000
Nhà máy Xi măng Đồng Bành	-	473.917.945
Phòng NN huyện Bình Gia	342.774.113	342.774.113
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi	426.505.652	258.003.681
Phòng NN huyện Tràng Định	68.156.730	301.655.000
Các đối tượng khác	281.776.714	238.615.000
<b>Cộng</b>	<b>37.645.065.547</b>	<b>11.883.548.599</b>

**7. Phải thu nội bộ**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.214.328.488</b>	<b>718.784.593</b>
Công ty phải thu nội bộ các Xí nghiệp	52.699.410	712.621.741
Các Xí nghiệp phải thu nội bộ của Công ty	1.173.603.078	6.162.852
<i>Xí nghiệp Chi Lăng</i>	72.695.002	-
<i>Xí nghiệp Hữu Lũng</i>	171.303.072	6.162.852
<i>Xí nghiệp Cao Lộc</i>	177.096.107	-
<i>Xí nghiệp Tràng Định</i>	124.596.890	-
<i>Xí nghiệp Văn Lãng</i>	62.401.220	-
<i>Xí nghiệp Lộc Bình</i>	342.950.536	-
<i>Xí nghiệp Bắc Sơn</i>	103.908.836	-
<i>Xí nghiệp Văn Quan</i>	71.609.056	-
<i>Xí nghiệp Bình Gia</i>	35.068.359	-
<i>Xí nghiệp Xây Lắp</i>	11.974.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>1.548.012.000</b>	<b>1.548.012.000</b>
Các Xí nghiệp phải thu nội bộ của Công ty	-	1.548.012.000
<i>Xí nghiệp Hữu Lũng</i>	200.000.000	200.000.000
<i>Xí nghiệp Tràng Định</i>	320.000.000	320.000.000
<i>Xí nghiệp Văn Lãng</i>	230.000.000	230.000.000
<i>Xí nghiệp Lộc Bình</i>	573.000.000	573.000.000
<i>Xí nghiệp Văn Quan</i>	130.000.000	130.000.000
<i>Xí nghiệp Xây Lắp</i>	95.012.000	95.012.000
<b>Cộng</b>	<b>2.774.314.488</b>	<b>2.266.796.593</b>

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

**8. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.701.036.764</b>	-	<b>1.230.113.971</b>	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, khác	-	-	2.929.913	-
Phải thu người lao động	-	-	228.826.619	-
Phải thu khác	1.322.536.764	-	639.357.439	-
Tạm ứng	378.500.000	-	359.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>9.000.000</b>	-	<b>9.000.000</b>	-
Ký quỹ, ký cược	9.000.000	-	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.710.036.764</b>	-	<b>1.239.113.971</b>	-

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu vật liệu	856.432.840	-	712.201.709	-
Công cụ dụng cụ	278.435.669	-	195.195.270	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.567.342.420	-	371.815.500	-
<b>Cộng</b>	<b>2.702.210.929</b>	-	<b>1.279.212.479</b>	-

**10. Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>102.521.544</b>	<b>91.008.747</b>
Các khoản khác	102.521.544	91.008.747
<b>Dài hạn</b>	<b>1.477.838.309</b>	<b>1.626.986.700</b>
Các khoản khác	1.477.838.309	1.626.986.700
<b>Cộng</b>	<b>1.580.359.853</b>	<b>1.717.995.447</b>



## CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI LẠNG SƠN

Số 603 Đường Bà Triệu, P. Đông Kinh, T. Lạng Sơn

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Mẫu B09-DN

## 12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	71.534.006.125	24.296.075.111	7.145.272.087	501.747.274	1.131.842.445.472	1.235.319.546.069
Tăng trong năm	3.057.724.558	7.706.625.594	-	39.500.000	162.847.295.156	173.651.145.308
Mua trong năm		30.039.519	-	39.500.000		69.539.519
XDCB hoàn thành	1.451.054.511	734.563.000	-	-	90.698.645.000	92.884.262.511
Tăng khác	1.606.670.047	6.942.023.075	-	-	72.148.650.156	80.697.343.278
Giảm trong năm	1.705.464.697	6.942.023.075	-	94.882.274	66.853.950.156	75.596.320.202
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	60.000.000	-	60.000.000
Giảm khác	1.705.464.697	6.942.023.075	-	34.882.274	66.853.950.156	75.536.320.202
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	72.886.265.986	25.060.677.630	7.145.272.087	446.365.000	1.227.835.790.472	1.333.374.371.175
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	21.806.755.341	16.411.551.239	7.054.165.635	336.676.764	162.273.954.128	207.883.103.107
Tăng trong năm	3.243.221.695	3.727.329.161	67.489.212	12.020.831	20.558.241.581	27.608.302.480
Khấu hao trong năm	2.571.891.965	625.434.405	67.489.212	12.020.831		3.276.836.413
Tăng khác	671.329.730	3.101.894.756	-	-	20.558.241.581	24.331.466.067
Giảm trong năm	706.733.132	3.098.205.222	-	94.882.274	17.938.411.581	21.838.232.209
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	60.000.000	-	60.000.000
Giảm khác	706.733.132	3.098.205.222	-	34.882.274	17.938.411.581	21.778.232.209
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	24.343.243.904	17.040.675.178	7.121.654.847	253.815.321	164.893.784.128	213.653.173.378
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	49.727.250.784	7.884.523.872	91.106.452	165.070.510	969.568.491.344	1.027.436.442.962
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	48.543.022.082	8.020.002.452	23.617.240	192.549.679	1.062.942.006.344	1.119.721.197.797

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

**13. Phải trả người bán**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>12.174.902.767</b>	<b>12.174.902.767</b>	<b>2.463.904.321</b>	<b>2.463.904.321</b>
Bà Long Thị Huyền	421.500.000	421.500.000	839.450.000	839.450.000
Bà Long Thị Quyên	204.000.000	204.000.000	318.330.000	318.330.000
Ông Nông Ngọc Huy	-	-	189.680.000	189.680.000
Bà Lê Thị Tuyết	1.287.056.400	1.287.056.400	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Minh Hoà	1.092.825.000	1.092.825.000	-	-
Công ty TNHH thi công Xây dựng Nhật Quang	4.342.152.420	4.342.152.420	489.719.920	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Phát triển Đại Đồng	1.866.864.000	1.866.864.000	-	-
Các đối tượng khác	2.960.504.947	2.960.504.947	626.724.401	1.116.444.321
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>12.174.902.767</b>	<b>12.174.902.767</b>	<b>2.463.904.321</b>	<b>2.463.904.321</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Khoản mục	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
<b>Thuế phải nộp</b>	<b>1.440.326.718</b>	<b>8.576.130.984</b>	<b>7.419.089.503</b>	<b>2.597.368.199</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.132.374.542	5.166.780.178	4.446.864.180	1.852.290.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp	216.828.817	373.082.684	216.828.817	373.082.684
Thuế thu nhập cá nhân	28.262.242	1.180.580.577	899.999.970	308.842.849
Thuế môn bài	-	15.000.000	15.000.000	-
Thuế tài nguyên	62.861.117	394.524.986	394.233.977	63.152.126
Thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp	-	330.380.576	330.380.576	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.115.781.983	1.115.781.983	-
<b>Cộng</b>	<b>1.440.326.718</b>	<b>8.576.130.984</b>	<b>7.419.089.503</b>	<b>2.597.368.199</b>

Khoản mục	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
<b>Thuế phải thu</b>	<b>858.227.736</b>	<b>865.919.934</b>	<b>960.024.092</b>	<b>952.331.894</b>
Thuế giá trị gia tăng	587.792.695	649.091.117	644.535.567	583.237.145
Thuế thu nhập doanh nghiệp	259.747.999	216.828.817	270.000.000	312.919.182
Thuế thu nhập cá nhân	10.503.533	-	37.181.338	47.684.871
Thuế đất, đất phi nông nghiệp	-	-	8.307.187	8.307.187
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	183.509	-	-	183.509
<b>Cộng</b>	<b>858.227.736</b>	<b>865.919.934</b>	<b>960.024.092</b>	<b>952.331.894</b>

## 15. Phải trả nội bộ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>34.491.336.465</b>	<b>6.864.201.653</b>
Công ty phải trả nội bộ các Xí nghiệp	33.317.733.387	6.290.260.717
Các Xí nghiệp phải trả nội bộ của Công ty	1.173.603.078	573.940.936
<i>Xí nghiệp Chi Lăng</i>	72.695.002	-
<i>Xí nghiệp Hữu Lũng</i>	171.303.072	108.601.880
<i>Xí nghiệp Cao Lộc</i>	177.096.107	15.225.281
<i>Xí nghiệp Thành Phố</i>	-	279.708.587
<i>Xí nghiệp Tràng Định</i>	124.596.890	68.482.703
<i>Xí nghiệp Văn Lãng</i>	62.401.220	28.560.005
<i>Xí nghiệp Lộc Bình</i>	342.950.536	-
<i>Xí nghiệp Bắc Sơn</i>	103.908.836	-
<i>Xí nghiệp Văn Quan</i>	71.609.056	33.353.469
<i>Xí nghiệp Bình Gia</i>	35.068.359	40.009.011
<i>Xí nghiệp Xây Lắp</i>	11.974.000	-
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34.491.336.465</b>	<b>6.864.201.653</b>

## 16. Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024</b>	<b>1.010.138.285.454</b>	<b>1.814.000.000</b>	<b>1.567.215.427</b>	<b>1.013.519.500.881</b>
Tăng vốn trong năm trước	53.579.388.906	-	-	53.579.388.906
Lãi trong năm trước	-	-	1.270.553.229	1.270.553.229
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	377.392.000	-	377.392.000
Tăng khác	2.371.842.621	-	-	2.371.842.621
Giảm vốn trong năm trước	(549.575.000)	-	-	(549.575.000)
Giảm khác	(2.378.330.527)	-	(1.257.973.494)	(3.636.304.021)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>1.063.161.611.454</b>	<b>2.191.392.000</b>	<b>1.579.795.162</b>	<b>1.066.932.798.616</b>
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025</b>	<b>1.063.161.611.454</b>	<b>2.191.392.000</b>	<b>1.579.795.162</b>	<b>1.066.932.798.616</b>
Tăng vốn trong năm nay	95.000.731.000	-	-	95.000.731.000
Lãi trong năm nay	-	-	1.492.330.736	1.492.330.736
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	370.679.000	-	370.679.000
Tăng khác	58.130.905.459	90.521.000	246.106.140	58.467.532.599
Giảm vốn trong năm nay	(1.480.585.734)	-	-	(1.480.585.734)
Giảm khác	(56.660.449.725)	(80.200.000)	(1.516.659.368)	(58.257.309.094)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>1.158.152.212.454</b>	<b>2.572.392.000</b>	<b>1.801.572.670</b>	<b>1.162.526.177.124</b>

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	1.158.152.212.454	1.063.161.611.454
<b>Cộng</b>	<b>1.158.152.212.454</b>	<b>1.063.161.611.454</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.063.161.611.454	1.010.138.285.454
Vốn góp tăng trong năm	97.565.606.076	55.956.628.768
Vốn góp giảm trong năm	2.575.005.076	2.933.302.768
Vốn góp cuối năm	1.158.152.212.454	1.063.161.611.454
<b>Cộng</b>	<b>1.158.152.212.454</b>	<b>1.063.161.611.454</b>

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

**17. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp sản phẩm công ích thủy lợi công ty	32.828.746.581	26.938.189.109
Doanh thu cấp nước	3.621.646.028	3.194.839.644
Doanh thu của hợp đồng xây dựng cơ bản	58.955.981.306	27.642.568.784
Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi huyện	8.560.475.455	9.680.295.891
Doanh thu khác	8.008.870.696	4.697.336.196
<b>Cộng</b>	<b>111.975.720.066</b>	<b>72.153.229.624</b>

**18. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi công ty	34.452.320.436	26.859.150.214
Giá vốn cung cấp nước	3.303.243.745	2.862.023.578
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	55.509.785.488	25.301.932.231
Giá vốn sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi huyện	6.856.378.061	8.427.301.237
Giá vốn hoạt động khác	7.974.975.538	4.399.547.073
<b>Cộng</b>	<b>108.096.703.268</b>	<b>67.849.954.333</b>

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.682.892.596	850.492.066
<b>Cộng</b>	<b>1.682.892.596</b>	<b>850.492.066</b>

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

**20. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên	4.740.967.058	986.190.271
Hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương, công nợ	(50.490.770)	(136.205.602)
Chi phí khấu hao	224.526.492	284.843.873
Trích lập dự phòng tiền lương	-	267.662.230
Các khoản chi phí khác	3.968.396.844	3.331.466.102
<b>Cộng</b>	<b>8.883.399.624</b>	<b>4.733.956.874</b>

**21. Thu nhập khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	636.364	-
Bồi thường giải phóng mặt bằng	420.588.000	-
Thu nhập khác	4.825.586.017	1.168.404.220
<b>Cộng</b>	<b>5.246.810.381</b>	<b>1.168.404.220</b>

**22. Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí khác	59.906.730	23.167
<b>Cộng</b>	<b>59.906.730</b>	<b>23.167</b>

**23. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	373.082.684	317.638.307
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>373.082.684</b>	<b>317.638.307</b>

**24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.842.602.868	12.638.117.975
Chi phí nhân công	53.622.518.846	32.837.569.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.233.197.005	3.104.213.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.451.600.093	13.204.191.435
Chi phí khác bằng tiền	13.562.218.089	11.295.289.805
<b>Cộng</b>	<b>116.712.136.901</b>	<b>73.079.382.331</b>

25. Các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương, thù lao Ban Điều hành Công ty	1.548.000.000	1.099.387.200
Cộng	1.548.000.000	1.099.387.200

25. Số liệu so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch công ty



Trần Quế Anh

Phí Thị Hồng Thương

Lê Mai Lan